

nǐ zuò shén me
。。。你做什么？

Unscramble the words to make a sentence.

1. wǒ shàngxué zǎoshàng diǎn
我 上学 早上 8 点

_____。

2. xǐ zǎo wǎnshàng diǎnbàn wǒ
洗澡 晚上 8 点半 我

_____。

3. xiàwǔ diǎn huíjiā wǒ
下午 3 点 回家 我

_____。

4. chīdiǎnxīn shàngwǔ diǎn wǒ
吃点心 上午 9 点 我

_____。